trẻ em học tiếng
làng qua các tỉnh
o gồm quá trình
học.

8 COMPACT disc DIGITAL AUDIO

PIMSLEUR®
LANGUAGE PROGRAMS

ENGLISH FOR VIETNAMESE SPEAKERS

The COMPLETE COURSE I
PART B

TIẾNG ANH

BẮT ĐẦU HIỂU VÀ NÓI TIẾNG ANH VỚI TÁM BÀI TẬP NGHE NHANH CHÓNG VÀ ĐƠN GIẢN NÀY!



PC267

RECORDED BOOKS™ giới thiệu
PIMSLEUR®
LANGUAGE PROGRAMS

BẮT ĐẦU HIỂU VÀ NÓI TIẾNG ANH VỚI TÁM BÀI TẬP NGHE NHANH CHÓNG VÀ ĐƠN GIẢN NÀY!



TIẾNG ANH

ENGLISH FOR VIETNAMESE SPEAKERS

The COMPLETE COURSE I
BEGINNERS/PART B



RECORDED BOOKS™ giới thiệu

The COMPLETE COURSE I

ENGLISH FOR VIETNAMESE SPEAKERS

Với phương pháp Pimsleur®, bạn không chỉ học từng "cụm từ" mà sẽ học nói tiếng Anh hội thoại cơ bản.

Học theo tốc độ của bạn—thoải mái và tiện lợi.

Bạn sẽ ngạc nhiên phát hiện ra rằng bạn có thể đối thoại thực sự bằng tiếng Anh sau khi bạn kết thúc tám bài học, mỗi bài kéo dài 30 phút này!

Học tiếng Anh như bạn đã học tiếng Việt

Phương pháp độc đáo và đặc sắc của tiến sĩ Paul Pimsleur giúp bạn học tiếng Anh không tốn nhiều công sức, cũng như trẻ em học tiếng mẹ đẻ vậy. Bạn sẽ thành công vì chương trình Pimsleur® đảm bảo rằng bạn học từ vựng và ngữ pháp chính xác và dễ dàng qua các tình huống giao tiếp mà không cần phải lặp đi lặp lại một cách vô ý thức. Pimsleur® là chương trình ngoại ngữ duy nhất bao gồm quá trình rèn luyện trí nhớ đặc biệt, có bản quyền. Quá trình này đảm bảo cho bạn luôn luôn ghi nhớ những gì bạn đã học.

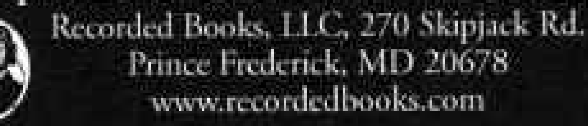
SPEAK ENGLISH TO LEARN ENGLISH WITH EASY-TO-USE-AUDIO LESSONS

MORE COURSES AVAILABLE IN ENGLISH FOR VIETNAMESE SPEAKERS:

The Short Course

Simon & Schuster Audio Division
Simon & Schuster, Inc.
1230 Avenue of the Americas
New York, NY 10020
Cover image ©PhotoDisc, Inc.
ISBN [illegible]

For replacement discs, call 1-(800)-638-1304 or write to:


Recorded Books, LLC, 270 Skipjack Rd.
Prince Frederick, MD 20678
www.recordedbooks.com



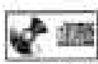
PIMSLEUR® LANGUAGE PROGRAMS

ENGLISH FOR VIETNAMESE SPEAKERS

The COMPLETE COURSE I PART B

TIẾNG ANH

BẮT ĐẦU HIỂU VÀ NÓI TIẾNG ANH VỚI TÁM BÀI TẬP NGHE NHANH CHÓNG VÀ ĐƠN GIẢN NÀY!



PC267

B

PIMSLEUR®
LANGUAGE PROGRAMS

Albanian	Irish
Arabic [Eastern]	Italian
Arabic [Egyptian]	Japanese
Armenian [Eastern]	Korean
Armenian [Western]	Lithuanian
Chinese [Cantonese]	Ojibwe
Chinese [Mandarin]	Polish
Czech	Portuguese [Brazilian]
Dutch	Portuguese [Continental]
English [American]	Romanian
Farsi	Russian
French	Spanish
German	Swedish
Greek	Swiss German
Haitian Creole	Thai
Hebrew	Twi
Hindi	Ukranian
Indonesian	Vietnamese

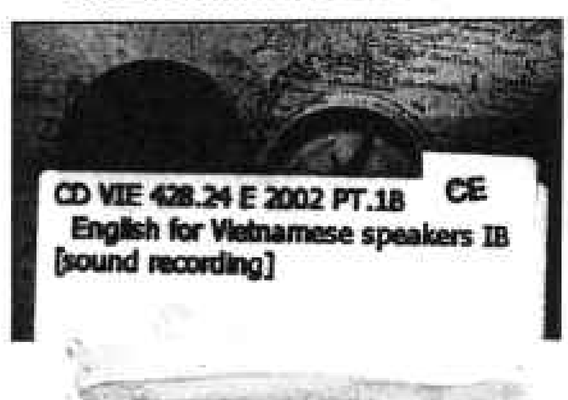
For information on other available courses please call Recorded Books, LLC at 1-(800)-638-1304

RB# 14043 ISBN 1-4025-4796-X

PIMSLEUR®
LANGUAGE PROGRAMS

TIẾNG ANH

ENGLISH FOR VIETNAMESE SPEAKERS



SÁCH TẬP ĐỌC

MỤC LỤC

Các bài tập đọc

TIẾNG ANH

Phần giới thiệu

Sau đây là phần miêu tả những gì có thể được gọi là "đọc liên hợp." Phần miêu tả này nêu ra một số gợi ý rất quan trọng về những vấn đề có liên quan đến quá trình đọc ngôn ngữ viết.

Ông Smith tự học "đọc" các chữ cái tiếng Nga trong bảng chữ cái nhưng ông không có thời gian học nói tiếng Nga. Ông Smirnoff nói tiếng Nga khi ông còn nhỏ nhưng chưa bao giờ học đọc tiếng Nga. Một hôm, ông Smirnoff nhận được một bức thư của một người bà con ở Nga viết bằng chữ Nga. Ông không đọc được bức thư này. Ông đưa cho ông Smith xem bức thư. Ông Smith không thể hiểu được nội dung bức thư. Nhưng rồi đâu vào đấy cả: ông Smith đọc to các từ trong bức thư, ông Smirnoff nhận ra các từ này và hiểu được chúng. Cả hai ông đều cảm thấy mãn nguyện.

Câu hỏi được đặt ra là: ai "đọc": ông Smith hay ông Smirnoff? Rõ ràng là muốn biết thông thạo một thứ ngoại ngữ, người học phải rèn luyện cả hai kỹ năng ngôn ngữ ấy. Đây chính là lý do vì sao phương pháp Pimsleur dậy đọc bằng cách này.

TIẾNG ANH

Phần giới thiệu *(tiếp)*

Đọc có thể được định nghĩa là "hoạt động giải mã văn bản bằng chữ viết để xác định nội dung thông báo của văn bản." Nói cách khác thì đọc bao gồm quá trình quay trở lại với lời nói thông qua các ký hiệu bằng chữ viết của nó. Mỗi một văn bản được viết ra đại diện cho một phát ngôn có thể được nói ra, song chỉ có những người có một trình độ nào đó về ngôn ngữ nói mới suy luận được một văn bản viết có thể được phát ra thành lời một cách hợp lý. Do đó, nói một thứ tiếng là bước cần thiết đầu tiên để tiến đến khả năng đọc một thứ tiếng có ý nghĩa. Các bài tập đọc trong cuốn sách này dẫn dắt bạn đến bước thứ hai; chúng được biên soạn để giúp bạn liên tưởng các âm và những biến đổi về âm với các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh.

Chương trình tiếng Anh Mỹ 1 gồm hai mươi mốt bài tập đọc. Tất cả các bài tập đọc được ghi âm ở cuối loạt bài học nói. Bạn có thể tập đọc theo một trong những cách sau đây: sau khi bạn học xong một số bài trong phần nói, bạn có thể tập đọc với những khoảng ngắt quãng tiện cho bạn. Hoặc bạn có thể làm bài tập đọc đầu tiên sau khi học xong Bài 10 rồi lại làm tiếp một bài tập đọc sau khi học xong mỗi một bài nói bình thường. Hay bạn cũng có thể cảm

TIẾNG ANH

Phần giới thiệu *(tiếp)*

đọc bao gồm những từ và thành ngữ trong toàn bộ ba mươi bài học nói cũng như có thêm một số từ mới. Tất cả những chỉ dẫn đầy đủ để làm các bài tập đọc có trong phần nghe của các bài tập đọc.

Trong khi làm các bài tập đọc, bạn nhớ rằng tiếng Anh là một ngôn ngữ rất khác thường, có nhiều trường hợp ngoại lệ. Những chỉ dẫn đưa ra trong các bài tập đọc chỉ phản ánh những khuôn mẫu chung chứ không nêu lên những quy tắc bất di bất dịch. Tuy nhiên, khi vốn từ của bạn nhiều hơn, bạn sẽ thấy rằng những trường hợp ngoại lệ ấy gây ra ngày càng ít khó khăn hơn đối với bạn. Bạn sẽ bắt đầu nhận diện ra các từ và tiếp nhận chúng như là những "tổng thể," do đó bạn sẽ không còn cần phải đọc tách chúng ra hay giải mã chúng theo từng chữ cái. Bạn hoàn toàn tự do lựa chọn cho mình tốc độ làm các bài tập đọc này, lặp đi lặp lại từng bài cho đến khi nào bạn cảm thấy thoải mái tự tin thì hãy học tiếp bài sau. Bạn cũng có thể phát hiện ra rằng, lúc đầu, đọc tiếng Anh đòi hỏi phải qua một quá trình luyện tập. Song, với một nỗ lực vừa phải, bạn sẽ kinh ngạc nhận thấy rằng bạn đọc nhanh đến như thế nào.

BẢNG CHỮ CÁI TIẾNG ANH

A a	N n
B b	O o
C c	P p
D d	Q q
E e	R r
F f	S s
G g	T t
H h	U u
I i	V v
J j	W w
K k	X x
L l	Y y
M m	Z z

CÁC NGUYÊN ÂM

Aa Ee Ii Oo Uu
Yy

Bài Một

1. it
2. kit
3. sit
4. six
5. fix
6. fin
7. I
8. fine
9. fin / fine
10. nine
11. site
12. my
13. by
14. kite
15. miss
16. did
17. bit
18. bite
19. big bite
20. I like Ike.

Bài Hai

1. in
2. win
3. wine
4. sine
5. is
6. It is his.
7. nine times
8. my wife
9. Try it.
10. tin
11. ten
12. set
13. net
14. lift
15. left
16. five miles
17. mister
18. Mr.
19. Mrs.
20. Mrs. Mike is fine.

Bài Ba

1. let
2. lit
3. lite
4. ten men
5. teen
6. week
7. See me.
8. we need
9. eat
10. east
11. sixty
12. fifty
13. he is
14. he's
15. He's fifteen.
16. he'd
17. He'd like wine.
18. please
19. We'd like tea, please.
20. Hi, miss!

TIẾNG ANH

Bài Bốn

1. We sit.
2. He bet.
3. It's twenty feet.
4. Did he leave?
5. Please repeat.
6. fat
7. mat
8. at
9. ate
10. late
11. lay
12. stay
13. We can stay ---
14. ten days.
15. I hate my hat.
16. We have six cats.
17. My cat sat in my hat.
18. It made me mad.
19. He's bad.
20. Maybe.

TIẾNG ANH

Bài Năm

1. say
2. If I may say ...
3. my family
4. Kate's cat
5. Kate's cat is fast.
6. cash
7. she
8. She likes fish.
9. Is it fresh?
10. we wish
11. action
12. section
13. tension
14. diction
15. She's my wife.
16. She's shy.
17. Why?
18. Why mention it?

TIẾNG ANH

Bài Sáu

1. It's my dish.
2. We have six fish.
3. We read fiction ---
4. in his mansion.
5. mop
6. hop
7. stop and shop
8. tot
9. tote
10. mope
11. No.
12. road
13. coat
14. goat
15. blow
16. mow
17. Hello!
18. don't
19. Please don't go.
20. I hope not.

TIẾNG ANH

Bài Bẩy

1. boat
2. note
3. not
4. It's not on East Street.
5. No, we won't go.
6. I dote on him.
7. White oaks don't grow fast.
8. but
9. cup
10. Fill it up!
11. six hundred
12. We must eat.
13. a lot
14. some tea
15. Come in!
16. He needs money.
17. Does she see him?
18. We like the wine.
19. Is he your husband?
20. He's American.

Bài Tám

1. us
2. He understands us.
3. Meet me at the hotel.
4. Welcome!
5. yes
6. yesterday
7. yellow
8. The sun is yellow.
9. use
10. us / use
11. muse
12. fuse
13. you
14. Excuse me, miss.
15. Pay attention!
16. Don't confuse me!
17. We have a used car.
18. It's cute.

Bài Chín

1. yak
2. yam
3. Do you understand?
4. Not yet.
5. Is she American?
6. She's Chinese.
7. She likes children.
8. chin
9. shin
10. such
11. Cheer up!
12. book
13. shook
14. nook
15. Look at him!
16. Can we eat lunch?
17. She can cook fish and chips.
18. It's not much.
19. But it's cheap.
20. Good-bye!

Bài Mười

1. sheep
2. cheap
3. Don't cheat!
4. It's Miss Brooks!
5. By hook or by crook.
6. In cash, please.
7. cop
8. cope
9. can't
10. cent
11. lace
12. a nice face
13. I need some peace.
14. Try the wine.
15. It's good.
16. Did you like civics?
17. She took a trip.
18. She's in France ---
19. in a big city.
20. He's at the Cape.

Bài Mười Một

1. cook
2. look
3. "I am not a crook."
4. case
5. cease
6. Shall we dance?
7. It's a cinch.
8. No, I have a cramp.
9. the
10. then
11. this
12. That's my hotel.
13. It's over there.
14. Thanks.
15. I think so.
16. He's with me.
17. We have three children.
18. That's a lot!

Bài Mười Hai

1. Is this the road?
2. Where are the children?
3. They're over there.
4. It's a dollar thirty per gallon.
5. That's thirteen dollars.
6. What does that mean?
7. I don't think so.
8. do
9. to
10. I'd like to go home.
11. soon
12. zoo
13. Me, too.
14. Where's a bathroom?
15. Who's that?
16. Well then, let's eat.
17. With whom?
18. We can go together.

Bài Mười Ba

1. do
2. Do you know ---
3. who took my book?
4. No, I don't.
5. go
6. Go to the left.
7. You, too.
8. Today it's May.
9. pat
10. Pat has a pet.
11. bet
12. pet / bet
13. tab / tap
14. What a big pig!
15. He rode his bike on the pike.
16. cloak
17. croak
18. It's my clock.
19. Close the book.
20. He's cross.

Bài Mười Bốn

1. Pam's boat
2. Bob's map
3. I know best.
4. Don't be a pest!
5. We ate clams ---
6. and crabs.
7. It's not clear.
8. want
9. water
10. She wants some water.
11. He does, too.
12. wander
13. We wander and wonder.
14. Wash your face!
15. hall
16. tall
17. That man is tall!
18. His wife is small.
19. Do you like walnuts?
20. Did you see the waterfall in Dalat?

Bài Mười Lăm

1. Did you call?
2. He wants a beer.
3. Sixty watts ---
4. is that all?
5. Let's play ball.
6. Where's Walden Pond?
7. It's a walrus!
8. We know.
9. now
10. We know now.
11. Wow!
12. a brown cow
13. How are you?
14. pout
15. gout
16. out and about
17. Don't shout.
18. Our children went to town.
19. She can count to ten.
20. What's that sound?

Bài Mười Sáu

1. how
2. How much is it?
3. *Our Town*
4. cap and gown
5. Let's look around.
6. The clown fell down.
7. We want to leave now.
8. We want to go to East Street.
9. strap
10. traps
11. stop
12. He can stop at this spot.
13. Stand still!
14. Do you speak Spanish?
15. He's spry.
16. Are the stores open?
17. Three strikes — you're out!
18. The stray cat can stay with us.
19. Trust me.
20. Trick or treat!

Bài Mười Bẩy

1. You speak too fast.
2. Please stop it!
3. We struck it rich.
4. We spent a lot of money.
5. faster
6. later
7. I want to eat later.
8. over there
9. Is that her sister?
10. How much per gallon?
11. It's ten dollars.
12. pastor
13. This is major ---
14. not minor.
15. Walter is a coal miner.
16. minor / miner
17. First Street
18. dirt
19. burn
20. Turn left.
21. Our girl is thirsty.
22. She'd like some water.

Bài Mười Tám

1. Mr. Miller
2. Our girl is bigger.
3. I'd like to have dinner with you.
4. I need sixty dollars.
5. Have you seen Wall Street?
6. bitter / biter
7. Hello, nurse.
8. Don't litter.
9. I'm sorry.
10. Please pass the butter.
11. This tea is finer.
12. She filled my glass.
13. The man opened the door.
14. The lady closed it.
15. She welcomed him.
16. We owed him money.
17. I'm pleased to meet you.
18. We missed the bus.
19. He stopped to eat.
20. We kissed.
21. She stayed too late.
22. You're excused.

Bài Mười Chín

1. a diller, a dollar
2. His feet went pitter-patter.
3. My dentist has good manners.
4. He had dinner in a diner.
5. Don't be silly.
6. The men liked this dish.
7. We wined and dined.
8. Her husband worked at home.
9. He moaned and groaned.
10. She asked, "To the left?"
11. He needed money.
12. He wanted it.
13. The ice melted.
14. I counted sheep ---
15. to get to sleep.
16. His wife waited for us.
17. The teacher repeated the word.
18. I voted yesterday.

TIẾNG ANH

Bài Hai Mươi

1. She wanted some French wine.
2. We clapped our hands.
3. The children visited me.
4. E.T. phoned home.
5. Does it snow in Vietnam?
6. It snowed a lot last week.
7. Is it snowing now?
8. ring
9. rang
10. rung
11. She's strong!
12. "Sing a song of sixpence ---"
13. Is the man speaking to me?
14. I'd like something to drink.
15. Today I'm going to Washington.
16. But she's going to Long Beach.
17. For how long?
18. Think Spring!

LỜI CẢM TẠ

TIẾNG ANH

NGƯỜI ĐỌC

Người hướng dẫn tiếng Anh .... *Barry Nelson*
Người hướng dẫn tiếng Việt .... *Ngô Như Bình*
Binh Nhu Ngo

Giọng nữ tiếng Anh .... *Sherry Baker*
Giọng nam tiếng Anh .... *Brad Spear*

NGƯỜI BIÊN SOẠN CHƯƠNG TRÌNH

Dr. Binh Nhu Ngo ◆ Joan Schoellner

BIÊN TẬP

Christopher J. Gainty ◆ Beverly D. Heinle

Phần ghi âm dùng kỹ thuật số được thực hiện dưới sự điều khiển của:
Sarah N. Hewitt

KỸ SƯ GHI ÂM

Peter S. Turpin ◆ Kelly Saux

Simon & Schuster Studios, Concord, MA

TIẾNG ANH

Bài Hai Mươi Mốt

1. This is Tom Small.
2. But he's not small --- he's big!
3. His wife is Pam Small.
4. And this is the Small family.
5. The Small family is a big family.
6. The Smalls have five children.
7. The Small children are little, ---
8. but Mr. Small is big.
9. The Small family has big Smalls ---
10. and little Smalls.
11. The Small family needs a big car.
12. Pleased to meet you, Mr. and Mrs. Small!

Nếu bạn muốn liên lạc trực tiếp với một cơ sở phục vụ khách hàng được Các Chương trình Ngoại ngữ Pimsleur uỷ quyền, bạn làm ơn gọi điện thoại số 1-800-638-1304.

Ở Mỹ và Canada, bạn có thể gọi điện thoại trực tiếp.
Ở ngoài Mỹ và Canada: bạn hỏi tổng đài số điện thoại nối với AT&T, sau đó gọi.